

Số: 128 /CBTT

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2024

V/v: CBTT Báo cáo tài chính năm 2023  
(đã được kiểm toán)

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải
2. Mã chứng khoán: TVH
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: 0903260011 Fax: 024. 37566892
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Hữu Quảng
6. Chức vụ: Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
7. Điện thoại cơ quan: 024.37545293
8. Loại thông tin công bố:  24h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố:  
- Công bố Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán) của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải.
10. Địa chỉ website đăng tải nội dung: <https://embvn.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/tai-lieu-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- HĐQT (để b/c);
- BKS (để biết);
- VPĐT;
- Lưu: TCHC



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Lê Hữu Quảng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG  
TRÌNH HÀNG HẢI**



MỤC LỤC  
----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 37

...N. 02  
Vi  
HAI



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### 7. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Hữu Quảng

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Doanh nghiệp này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại ngày 24 tháng 02 năm 2023

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



---

**Nguyễn Thị Phụng**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4945-2024-005-1

---

**Phan Công Văn**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 5298-2021-005-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>293.785.122.767</b>	<b>224.728.523.690</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.115.272.940</b>	<b>16.748.681.776</b>
1. Tiền	111		11.115.272.940	14.748.681.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>162.400.000.000</b>	<b>103.600.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		162.400.000.000	103.600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.127.671.870</b>	<b>47.132.260.277</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35.458.708.954	36.349.426.266
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.690.799.797	3.208.311.201
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	31.320.110.672	20.368.640.922
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.341.947.553)	(12.794.118.112)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>65.107.430.919</b>	<b>57.115.725.463</b>
1. Hàng tồn kho	141		65.107.430.919	57.115.725.463
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.747.038</b>	<b>131.856.174</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	34.747.038	24.701.302
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	107.154.872
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>123.287.440.581</b>	<b>182.722.144.129</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.536.486.861</b>	<b>44.607.955.217</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	51.536.486.861	44.607.955.217
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.933.671.400</b>	<b>32.621.658.612</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	27.898.660.380	29.056.577.393
- Nguyên giá	222		51.408.460.634	50.012.421.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.509.800.254)	(20.955.843.846)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.035.011.020	3.565.081.219
- Nguyên giá	228		6.283.934.307	4.944.409.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.248.923.287)	(1.379.328.088)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>37.622.115.000</b>	<b>103.822.115.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		225.000.000	225.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.897.115.000	5.897.115.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		31.500.000.000	97.700.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.195.167.320</b>	<b>1.670.415.300</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.195.167.320	1.670.415.300
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>417.072.563.348</b>	<b>407.450.667.819</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>323.872.207.028</b>	<b>318.626.705.233</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>323.695.033.778</b>	<b>318.449.531.983</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	1.622.565.511	4.647.167.395
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	295.280.700.292	289.880.226.548
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.946.741.604	2.441.042.715
4. Phải trả người lao động	314		14.606.600.282	15.820.221.869
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.860.761.847	1.358.040.753
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	825.763.523	628.140.504
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.551.900.719	3.674.692.199
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>177.173.250</b>	<b>177.173.250</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	177.173.250	177.173.250
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>93.200.356.320</b>	<b>88.823.962.586</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>93.200.356.320</b>	<b>88.823.962.586</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.040.000.000	40.040.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.040.000.000	40.040.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.300.502.500	24.608.199.053
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.859.853.820	24.175.763.533
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		91.058.120	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.768.795.700	24.175.763.533
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>417.072.563.348</b>	<b>407.450.667.819</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Thị Bích Diệp

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Hải Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Quảng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	124.662.615.415	114.884.240.529
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	124.662.615.415	114.884.240.529
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	77.431.517.142	68.548.525.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		47.231.098.273	46.335.715.397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	21.291.576.452	18.153.328.360
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	20.193.000	82.945
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	35.305.454.128	34.299.565.951
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		33.197.027.597	30.189.394.861
11. Thu nhập khác	31	VI.7	217.231.819	1.305.301.814
12. Chi phí khác	32	VI.8	13.392.792	1.386.120.748
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		203.839.027	(80.818.934)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.400.866.624	30.108.575.927
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	6.632.070.924	5.932.812.394
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		26.768.795.700	24.175.763.533
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	4.693	4.208

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Thị Bích Diệp

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Hải Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Quảng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		141.893.477.236	176.219.614.788
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.310.988.373)	(56.558.301.256)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(75.537.896.153)	(75.050.360.117)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.26	(5.532.812.394)	(5.810.713.689)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36.482.066.972	35.533.773.334
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(58.751.617.768)	(61.767.276.663)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(13.757.770.480)</b>	<b>12.566.736.397</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.718.346.213)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		235.000.000	300.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(321.100.000.000)	(211.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		328.500.000.000	196.900.000.000
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.592.022.117	16.729.185.606
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>22.508.675.904</b>	<b>2.529.185.606</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.384.314.260)	(11.797.896.610)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.384.314.260)</b>	<b>(11.797.896.610)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.633.408.836)</b>	<b>3.298.025.393</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>16.748.681.776</b>	<b>13.450.656.383</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.115.272.940</b>	<b>16.748.681.776</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Bích Diệp

Trần Hải Thanh



Lê Hữu Quảng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200119411 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 06 năm 2021.

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng Hải là công ty cổ phần.

Tên viết tắt: CMB

Mã chứng khoán: TVH

Trụ sở chính: Tầng 12 tháp tây Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110),
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành 6810), chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác (mã ngành 7490), chi tiết: Dịch vụ tư vấn hàng hải, tư vấn lập hồ sơ công bố mở cảng biển, luồng tàu; Dịch vụ khí trọng, thủy văn, thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học, kết cấu xây dựng và đánh giá tài sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 4290), chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (mã ngành 5210), chi tiết: Dịch vụ kinh doanh kho bãi;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (mã ngành 6619), chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);

**3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: Dịch vụ tư vấn xây dựng.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 158 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 149 nhân viên)

**6. Cấu trúc doanh nghiệp****6.1. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế số Một	Tư vấn xây dựng công trình	25%	25%	25%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

6.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ tư vấn xây dựng	123 Tôn Thất Thuyết, P15, Quận 4, TP. HCM
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải tại Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ tư vấn xây dựng	112 đường Lê Thánh Tông – P.Đông Hải 1- Quận Hải An – TP. Hải Phòng

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)****Nguyên tắc xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Thành phẩm:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

- **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:** chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp Kiểm kê định kỳ

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. (Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****7.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

*Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

*Tài sản cố định hữu hình tăng từ các nguồn khác*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, biếu tặng được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu. Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì Công ty ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**7.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình (tiếp theo)**

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**7.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	Thời hạn tối đa 20 năm

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí trước hoạt động:** Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi...trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm kể từ khi bắt đầu sử dụng

**Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định:** Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong .. năm/tháng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)..

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành** là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**18. Bên liên quan**

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 "Kê toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết");

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**18. Bên liên quan (tiếp theo)**

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) của Mục 1.3 bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Tiền</b>	<b>11.115.272.940</b>	<b>14.748.681.776</b>
Tiền mặt	1.796.972.305	966.276.187
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.318.300.635	13.782.405.589
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.115.272.940</b>	<b>16.748.681.776</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>162.400.000.000</b>	<b>162.400.000.000</b>	<b>103.600.000.000</b>	<b>103.600.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	162.400.000.000	162.400.000.000	103.600.000.000	103.600.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>31.500.000.000</b>	<b>31.500.000.000</b>	<b>97.700.000.000</b>	<b>97.700.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	31.500.000.000	31.500.000.000	97.700.000.000	97.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>193.900.000.000</b>	<b>193.900.000.000</b>	<b>201.300.000.000</b>	<b>201.300.000.000</b>

**Chi tiết khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại 31/12/2023**

<b>Văn Phòng Hà Nội</b>	<b>Kỳ hạn</b>	<b>Lãi suất (%)</b>	<b>Số dư cuối năm</b>
- Ngân hàng TMCP Bản Việt	06 tháng	5,50%	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	06 - 12 tháng	5,3 - 9,8%	27.350.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	06 tháng	4,2 % - 4,5%	11.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06 - 12 tháng	4,4% - 8,7%	19.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	12 tháng	7,2% - 9%	14.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	06 - 12 tháng	9,0 - 10,1%	36.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	06-12 tháng	5,0 - 9,0%	13.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	13 tháng	7,2 - 7,8%	31.500.000.000
<b>Chi nhánh Hải Phòng</b>			
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Ngô Quyền	06 tháng	4,70%	150.000.000
<b>Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>			
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	12 tháng	6,5% - 7,0%	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	12 tháng	7,20%	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	12 tháng	7,5 - 10,0%	11.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	12 tháng	9,0 - 10,0%	15.500.000.000
<b>Tổng</b>			<b>193.900.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

## b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023				01/01/2023					
	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Công ty CP đầu tư và tư vấn thiết kế số Một	25,00%	75.000	225.000.000	-	-	25,00%	75.000	225.000.000	-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Công ty CP Tân Cảng 189 Hải Phòng	3,00%	300.000	5.897.115.000	-	-	3,00%	300.000	3.000.000.000	-	-
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	0,93%	100.000	1.000.000.000	-	-	0,93%	100.000	1.000.000.000	-	-
Công ty CP Cảng An Giang	1,37%	187.000	1.897.115.000	-	-	1,37%	187.000	1.897.115.000	-	-
<b>Cộng</b>			<b>6.122.115.000</b>					<b>6.122.115.000</b>		

## Chi tiết các khoản đầu tư

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Công ty CP đầu tư và tư vấn thiết kế số Một	Số 123 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng công trình
Công ty CP Tân Cảng 189 Hải Phòng	Tầng 5, Tòa Nhà 189, Đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ khai thác cảng
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh dịch vụ khai thác cảng
Công ty CP Cảng An Giang	Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, P. Mỹ Thạnh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh dịch vụ khai thác cảng
Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong năm		
<b>Tên</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Phát sinh</b>
Công ty CP đầu tư và tư vấn thiết kế Số Một	Nhận cổ tức	298.020.298
Công ty CP Tân Cảng 189 Hải Phòng	Nhận cổ tức	300.000.000
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	Nhận cổ tức	200.000.000
Công ty CP Cảng An Giang	Nhận cổ tức	63.767.000
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	Nhận ứng trước	73.341.050



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>35.458.708.954</b>	<b>14.341.947.553</b>	<b>36.349.426.266</b>	<b>12.794.118.112</b>
Bộ tư lệnh Hải Quân	1.945.264.146	-	868.826.046	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	3.385.450.364	1.552.850.364	3.385.450.364	1.552.850.364
BQL các DẠĐT CSHT ưu tiên TP Đà Nẵng	3.579.015.137	670.540.975	1.341.081.949	-
Các đối tượng khác	26.548.979.307	12.118.556.214	30.754.067.907	11.241.267.748
<b>Cộng</b>	<b>35.458.708.954</b>	<b>14.341.947.553</b>	<b>36.349.426.266</b>	<b>12.794.118.112</b>
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	33.046.613	-	33.046.613	-
<b>Cộng</b>	<b>33.046.613</b>	<b>-</b>	<b>33.046.613</b>	<b>-</b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.690.799.797</b>	<b>-</b>	<b>3.208.311.201</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	622.817.281	-	622.817.281	-
Trung tâm Hải Văn	610.370.000	-	927.762.000	-
Các đối tượng khác	1.457.612.516	-	1.657.731.920	-
<b>Cộng</b>	<b>2.690.799.797</b>	<b>-</b>	<b>3.208.311.201</b>	<b>-</b>
<b>5. Phải thu khác</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>31.320.110.672</b>	<b>-</b>	<b>20.368.640.922</b>	<b>-</b>
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.752.192	-
Tạm ứng	8.088.776.242	-	6.005.838.237	-
Ký cược, ký quỹ	200.000.000	-	-	-
Phải thu khác	23.031.334.430	-	14.361.050.493	-
- <i>Lãi dự thu tiền gửi</i>	<i>11.996.828.764</i>	<i>-</i>	<i>9.310.690.783</i>	<i>-</i>
- <i>Thuế TNCN phải thu</i>	<i>2.771.753.064</i>	<i>-</i>	<i>2.975.673.837</i>	<i>-</i>
- <i>Các đối tượng khác</i>	<i>8.262.752.602</i>	<i>-</i>	<i>2.074.685.873</i>	<i>-</i>
<b>b. Dài hạn</b>	<b>51.536.486.861</b>	<b>-</b>	<b>44.607.955.217</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	51.536.486.861	-	44.607.955.217	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải VN - chi nhánh Hà Nội	8.900.000.000	-	6.300.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	17.200.000.000	-	34.800.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà	17.500.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	7.936.486.861	-	3.507.955.217	-
<b>Cộng</b>	<b>82.856.597.533</b>	<b>-</b>	<b>64.976.596.139</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nợ xấu	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	22.469.419.911	8.127.472.358	21.301.388.090	8.507.269.978
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	3.385.450.364	1.832.600.000	3.385.450.364	1.832.600.000
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành Lào Cai	508.026.000	-	508.026.000	-
Công ty Cổ phần TV TK cảng - kỹ thuật biển	1.074.636.000	-	1.074.636.000	-
BQL các DẠĐT CSHT ưu tiên TP Đà Nẵng	1.341.081.949	670.540.974	-	-
Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Hòa Phát	1.770.000.000	885.000.000	1.770.000.000	1.239.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế cảng - Kỹ thuật biển	1.074.636.000	-	1.074.636.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CN Bảo Thụ	571.599.084	28.557.000	571.599.084	28.557.000
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	754.607.227	42.000.000	754.607.227	175.000.000
Các đối tượng khác	11.989.383.287	4.668.774.384	12.162.433.415	5.232.112.978
<b>Cộng</b>	<b>22.469.419.911</b>	<b>8.127.472.358</b>	<b>21.301.388.090</b>	<b>8.507.269.978</b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Chi phí SXKD dở dang	65.107.430.919	-	57.115.725.463	-
<b>Cộng</b>	<b>65.107.430.919</b>	<b>-</b>	<b>57.115.725.463</b>	<b>-</b>
<b>8. Chi phí trả trước</b>	<b>31/12/2023</b>		<b>01/01/2023</b>	
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>34.747.038</b>		<b>24.701.302</b>	
Các khoản khác	34.747.038		24.701.302	
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.195.167.320</b>		<b>1.670.415.300</b>	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.047.420.007		1.115.470.256	
Sửa chữa tài sản cố định	546.878.746		-	
Các khoản khác	600.868.567		554.945.044	
<b>Cộng</b>	<b>2.229.914.358</b>	<b>-</b>	<b>1.695.116.602</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.16. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	32.486.575.116	10.503.520.431	6.082.260.362	940.065.330	50.012.421.239
Mua trong năm	-	850.681.818	1.146.325.455	381.813.940	2.378.821.213
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(982.781.818)	-	(982.781.818)
Số dư cuối năm	32.486.575.116	11.354.202.249	6.245.803.999	1.321.879.270	51.408.460.634
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	10.748.365.448	6.698.944.162	3.019.038.906	489.495.330	20.955.843.846
Khấu hao trong năm	1.320.946.238	1.297.137.218	742.143.668	176.511.102	3.536.738.226
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(982.781.818)	-	(982.781.818)
Số dư cuối năm	12.069.311.686	7.996.081.380	2.778.400.756	666.006.432	23.509.800.254
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	21.738.209.668	3.804.576.269	3.063.221.456	450.570.000	29.056.577.393
Số dư cuối năm	20.417.263.430	3.358.120.869	3.467.403.243	655.872.838	27.898.660.380

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.342.277.909 đồng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Chương trình, Phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	4.944.409.307	4.944.409.307
<i>Mua trong năm</i>	1.339.525.000	1.339.525.000
Số dư cuối năm	6.283.934.307	6.283.934.307
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	1.379.328.088	1.379.328.088
<i>Khấu hao trong năm</i>	869.595.199	869.595.199
Số dư cuối năm	2.248.923.287	2.248.923.287
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	3.565.081.219	3.565.081.219
Số dư cuối năm	4.035.011.020	4.035.011.020

\* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 708.060.397 đồng

**11. Phải trả người bán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.622.565.511</b>	<b>1.622.565.511</b>	<b>4.647.167.395</b>	<b>4.647.167.395</b>
Công ty TNHH Trần Gia Tâm	180.179.856	180.179.856	192.641.760	192.641.760
Công ty Cổ phần Tư vấn kiểm định và khảo sát xây dựng	172.480.000	172.480.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế thí nghiệm và Xây dựng Hồng Minh	137.534.269	137.534.269	-	-
Công ty Cổ phần 620 Tây Nam Bộ	259.600.000	259.600.000	-	-
Các đối tượng khác	872.771.386	872.771.386	4.454.525.635	4.454.525.635
<b>Cộng</b>	<b>1.622.565.511</b>	<b>1.622.565.511</b>	<b>4.647.167.395</b>	<b>4.647.167.395</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn thiết kế Số Một	92.721.000	92.721.000	92.721.000	92.721.000
<b>Cộng</b>	<b>92.721.000</b>	<b>92.721.000</b>	<b>92.721.000</b>	<b>92.721.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Người mua trả tiền trước	31/12/2023	01/01/2023
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>295.280.700.292</b>	<b>289.880.226.548</b>
Bộ Tư lệnh Hải Quân (*)	110.404.876.257	114.336.491.369
Cục hàng hải Việt Nam	12.303.550.500	3.654.822.698
Các đối tượng khác	172.572.273.535	171.888.912.481
<b>Cộng</b>	<b>295.280.700.292</b>	<b>289.880.226.548</b>
<b>b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	215.599.497	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	182.291.050	108.950.000
Công ty Cổ phần Cảng An Giang	108.660.000	108.660.000
<b>Cộng</b>	<b>506.550.547</b>	<b>217.610.000</b>

(\*) Số tiền Bộ Tư lệnh Hải Quân đã ứng trước cho Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải để thực hiện các hợp đồng tư vấn thiết kế các công trình đã ký kết. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các hợp đồng đang thực hiện dở dang.

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	183.215.205	8.383.776.502	7.728.709.204	838.282.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.432.812.394	6.632.070.924	5.532.812.394	2.532.070.924
Thuế thu nhập cá nhân	824.627.193	7.886.396.436	7.135.023.375	1.576.000.254
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		533.696.244	533.696.244	-
Các loại thuế khác	387.923	147.635.294	147.635.294	387.923
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	429.829	429.829	-
<b>Cộng</b>	<b>2.441.042.715</b>	<b>23.584.005.229</b>	<b>21.078.306.340</b>	<b>4.946.741.604</b>

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.860.761.847</b>	<b>1.358.040.753</b>
Trích trước chi phí công trình	1.265.507.367	841.118.293
Các khoản trích trước khác	595.254.480	516.922.460
<b>Cộng</b>	<b>1.860.761.847</b>	<b>1.358.040.753</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2023	01/01/2023
<b>15. Phải trả khác</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	825.763.523	628.140.504
Các khoản phải trả cho NLD về BHXH, BHYT, BHTN	63.188.414	57.120.989
Cổ tức phải trả	55.793.459	25.707.719
Phải trả khác	706.781.650	545.311.796
<b>Cộng</b>	<b>825.763.523</b>	<b>628.140.504</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	177.173.250	177.173.250
<b>Cộng</b>	<b>177.173.250</b>	<b>177.173.250</b>

**16. Vốn chủ sở hữu****1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.040.000.000	23.053.990.424	22.202.980.408	85.296.970.832
Lợi nhuận	-	-	24.175.763.533	24.175.763.533
Phân phối lợi nhuận	-	1.554.208.629	(22.202.980.408)	(20.648.771.779)
Số dư cuối năm trước	40.040.000.000	24.608.199.053	24.175.763.533	88.823.962.586
Số dư đầu năm nay	40.040.000.000	24.608.199.053	24.175.763.533	88.823.962.586
Lợi nhuận	-	-	26.768.795.700	26.768.795.700
Phân phối lợi nhuận (*)	-	1.692.303.447	(24.084.705.413)	(22.392.401.966)
Số dư cuối năm nay	40.040.000.000	26.300.502.500	26.859.853.820	93.200.356.320

(\*) Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải năm 2023, lợi nhuận năm 2022 phân phối như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2022	100,00%	24.175.763.533
Trả cổ tức (36% VDL) (01 cổ phiếu nhận 3.600 đồng)	59,62%	14.414.400.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	7,00%	1.692.303.447
Trích Quỹ thưởng người quản lý	7,00%	1.692.303.447
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	26,00%	6.285.698.519
Lợi nhuận sau thuế năm 2022 để lại	0,38%	91.058.120

**2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Vốn góp của nhà nước	49,00%	19.619.600.000	19.619.600.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	51,00%	20.420.400.000	20.420.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>40.040.000.000</b>	<b>40.040.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
Vốn góp của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	40.040.000.000	40.040.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	40.040.000.000	40.040.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.414.400.000	13.321.788.245
	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>4. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.004.000	4.004.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.004.000	4.004.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.004.000	4.004.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.004.000	4.004.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.004.000	4.004.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>5. Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
Quỹ đầu tư phát triển	26.300.502.500	24.608.199.053
<b>Cộng</b>	<b>26.300.502.500</b>	<b>24.608.199.053</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.***17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Quy đổi (VNĐ)	Số lượng	Quy đổi (VNĐ)
USD	1.299,29	31.208.878	1.340,920	31.315.729
EUR	225,79	5.895.828	225,740	5.501.058
<b>Cộng</b>		<b>37.104.706</b>		<b>36.816.787</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu dịch vụ khảo sát tư vấn thiết kế	123.645.280.085	113.884.027.675
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.017.335.330	1.000.212.854
<b>Cộng</b>	<b>124.662.615.415</b>	<b>114.884.240.529</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu dịch vụ khảo sát tư vấn thiết kế	123.645.280.085	113.884.027.675
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.017.335.330	1.000.212.854
<b>Cộng</b>	<b>124.662.615.415</b>	<b>114.884.240.529</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của dịch vụ khảo sát tư vấn thiết kế	77.138.096.088	68.255.104.078
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	293.421.054	293.421.054
<b>Cộng</b>	<b>77.431.517.142</b>	<b>68.548.525.132</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.416.372.800	17.297.740.345
Cổ tức, lợi nhuận được chia	861.787.298	794.543.905
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.515.800	60.277.934
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	900.554	766.176
<b>Cộng</b>	<b>21.291.576.452</b>	<b>18.153.328.360</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.193.000	50.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	32.674
<b>Cộng</b>	<b>20.193.000</b>	<b>82.945</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí cho nhân viên	29.189.464.984	28.043.951.643
Chi phí vật liệu quản lý	901.441.863	454.117.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	651.300.949	867.529.479
Thuế, phí và lệ phí	17.631.244	16.031.149
Dự phòng phải thu khó đòi	1.547.829.441	1.837.594.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.356.884.988	1.403.909.398
Các chi phí khác	1.640.900.659	1.676.432.894
<b>Cộng</b>	<b>35.305.454.128</b>	<b>34.299.565.951</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	213.636.364	272.727.273
Các khoản khác	3.595.455	1.032.574.541
<b>Cộng</b>	<b>217.231.819</b>	<b>1.305.301.814</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
<b>8. Chi phí khác</b>		
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	4.000.000
Các khoản khác	13.392.792	1.382.120.748
<b>Cộng</b>	<b>13.392.792</b>	<b>1.386.120.748</b>
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.838.891.767	5.879.775.707
Chi phí nhân công	69.306.608.734	65.349.571.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.406.333.425	3.438.802.023
Thuế, phí lệ phí	17.631.244	16.031.149
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	1.547.829.441	1.837.594.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.396.659.503	35.157.624.146
Chi phí khác bằng tiền	10.558.929.834	12.485.287.914
<b>Cộng</b>	<b>121.072.883.948</b>	<b>124.164.686.820</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>33.400.866.624</b>	<b>30.108.575.927</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>	<b>(240.512.006)</b>	<b>(444.513.958)</b>
2.1. Các khoản điều chỉnh tăng	622.175.846	350.796.123
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	32.674
Chi phí không hợp lệ	622.175.846	350.763.449
2.2. Các khoản điều chỉnh giảm	(862.687.852)	(795.310.081)
Cổ tức lợi nhuận được chia	(861.787.298)	(794.543.905)
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	(900.554)	(766.176)
<b>3. Thu nhập chịu thuế (3=1+2)</b>	<b>33.160.354.618</b>	<b>29.664.061.969</b>
<b>4. Thu nhập tính thuế</b>	<b>33.160.354.618</b>	<b>29.664.061.969</b>
5. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông (6=4*5)	6.632.070.924	5.932.812.394
<b>7. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>6.632.070.924</b>	<b>5.932.812.394</b>
8. Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
<b>9. Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (9=7+8)</b>	<b>6.632.070.924</b>	<b>5.932.812.394</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.768.795.700	24.175.763.533
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(7.978.001.966)	(7.326.983.534)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.978.001.966)	(7.326.983.534)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.790.793.734	16.848.779.999
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	4.004.000	4.004.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.693	4.208

**VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

**1.1. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**1.2. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ				-
Phải trả người bán	1.622.565.511	-	-	1.622.565.511
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.623.336.956	177.173.250	-	2.800.510.206
<b>Cộng</b>	<b>4.245.902.467</b>	<b>177.173.250</b>	-	<b>4.423.075.717</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Các khoản vay và nợ				-
Phải trả người bán	4.647.167.395	-	-	4.647.167.395
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.929.060.268	177.173.250	-	2.106.233.518
<b>Cộng</b>	<b>6.576.227.663</b>	<b>177.173.250</b>	-	<b>6.753.400.913</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	193.900.000.000	-	201.300.000.000	-
- Phải thu khách hàng	35.458.708.954	14.341.947.553	36.349.426.266	12.794.118.112
- Phải thu khác	74.767.821.291	-	58.969.005.710	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.115.272.940	-	16.748.681.776	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>315.241.803.185</b>	<b>14.341.947.553</b>	<b>313.367.113.752</b>	<b>12.794.118.112</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Phải trả người bán	1.622.565.511	-	4.647.167.395	-
- Phải trả khác	939.748.359	-	748.192.765	-
- Chi phí phải trả	1.860.761.847	-	1.358.040.753	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.423.075.717</b>	<b>-</b>	<b>6.753.400.913</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng cần phải công bố trong báo cáo tài chính

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Phát sinh trong năm trước
	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	7.063.056.000	6.527.440.920
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cổ đông lớn	Nhận ứng trước	215.599.497	-
	Cổ đông lớn	Phải thu khác	12.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn thiết kế Số Một	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	298.020.298	290.313.905
Công ty Cổ phần Tân Cảng 189 Hải Phòng	Đầu tư khác	Nhận cổ tức	300.000.000	270.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Đầu tư khác	Nhận cổ tức	200.000.000	180.000.000
	Đầu tư khác	Nhận ứng trước	73.341.050	
Công ty Cổ phần Cảng An Giang	Đầu tư khác	Nhận cổ tức	63.767.000	54.230.000
Số dư với các bên liên quan:			<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn			33.046.613	33.046.613
<b>Khách hàng ứng trước</b>				
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam			215.599.497	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn			182.291.050	108.950.000
Công ty Cổ phần Cảng An Giang			108.660.000	108.660.000
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và tư vấn thiết kế Số Một			92.721.000	92.721.000
<b>+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>				Năm 2023
<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>		<b>Số tiền</b>
- Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	Tiền lương và thưởng		1.448.494.263
- Ông Lê Hữu Quảng	TV HĐQT, TGĐ	Thù lao, lương và thưởng		1.294.974.671
- Ông Đinh Văn Ngọc	TV HĐQT, Phó TGĐ	Thù lao, lương và thưởng		1.135.903.164
- Ông Trần Hải Thanh	TV HĐQT, Phó TGĐ	Thù lao, lương và thưởng		1.143.699.168
- Ông Lê Tấn Đạt	TV HĐQT, Phó TGĐ	Thù lao, lương và thưởng		1.163.571.074
- Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương và thưởng		1.104.236.912
<b>Cộng</b>				<b>7.290.879.252</b>

## CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## 4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

## 4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động cho thuê văn phòng	Hoạt động cung cấp dịch vụ khảo sát, tư vấn thiết kế	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần			
- Doanh thu thuần	1.017.335.330	123.645.280.085	124.662.615.415
2. Chi phí			
- Giá vốn	581.538.592	112.155.432.678	112.736.971.270
- Chi phí phân bổ	293.421.054	77.138.096.088	77.431.517.142
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	288.117.538	35.017.336.590	35.305.454.128
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	435.796.738	435.796.738	11.925.644.145
5. Tài sản bộ phận	30.344.341	3.688.001.872	3.718.346.213
6. Tài sản không phân bổ	3.353.647.030	407.596.801.318	410.950.448.348
Tổng tài sản	49.960.799	6.072.154.201	6.122.115.000
7. Nợ phải trả bộ phận	3.403.607.829	413.668.955.519	417.072.563.348
8. Nợ phải trả không phân bổ	2.605.880.104	316.714.426.205	319.320.306.309
Tổng nợ phải trả	37.146.737	4.514.753.982	4.551.900.719
Tổng nợ phải trả	2.643.026.841	321.229.180.187	323.872.207.028

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị ttnh: *Đông Việt Nam*

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Thị Bích Diệp

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Hải Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Quảng

